

Vấn đề sở hữu ở Việt Nam hiện nay

ĐÀM KIẾN LẬP

Vấn đề sở hữu đã được nghiên cứu, bàn luận nhiều, nhưng đến nay vẫn còn quan niệm rất khác nhau, thậm chí trái ngược nhau về những điều rất cơ bản. Bài viết góp phần khái quát tình hình nhận thức, giải quyết vấn đề sở hữu ở Việt Nam, nêu lên những vấn đề lớn đang đặt ra, nguyên nhân và phương hướng nghiên cứu, giải quyết những vấn đề đó.

Vấn đề sở hữu đã được loài người nhận thức từ rất sớm, nhưng đến khi chủ nghĩa tư bản bắt đầu phát triển mới được xem xét, nghiên cứu một cách khoa học. Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, sở hữu là quan hệ cốt lõi, quyết định bản chất của quan hệ sản xuất, là nguồn gốc sâu xa của mọi động lực phát triển xã hội, là tiêu chí phân biệt các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau.

1. Quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam về sở hữu

1.1. Quan điểm, chủ trương trước đổi mới

Ở Việt Nam, vấn đề sở hữu luôn được Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam quan tâm nghiên cứu, giải quyết trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trước đổi mới (năm 1986), do nhiều nguyên nhân, việc nhận thức và giải quyết vấn đề sở hữu đã có nhiều hạn chế, khuyết điểm và cả những sai lầm. Chủ yếu là:

(1) *Đã nhận thức giản đơn, giáo điều về xã hội XHCN và thời kỳ quá độ lên CNXH*: quan niệm CNXH như một xã hội lý tưởng, thuần nhất dựa trên chế độ công hữu với hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể; không phân biệt sở hữu với tư cách là quan hệ kinh tế hiện thực với sở hữu là quan hệ pháp lý; đồng nhất sở hữu toàn dân với sở hữu nhà nước và coi đây là sở hữu XHCN, là hình thức sở hữu xã hội hóa cao nhất; định kiến, phủ nhận hoàn toàn vai trò của sở hữu tư nhân; cho rằng có thể tiến thẳng, tiến nhanh lên CNXH chỉ mất vài kế hoạch 5 năm... Từ đó dẫn đến nóng vội

phát triển tràn lan hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể; ra sức cải tạo, nhằm nhanh chóng xóa bỏ, vô hiệu hóa các hình thức sở hữu khác thông qua quốc hữu hóa hoặc tập thể hóa, làm cho tài nguyên, tài sản quốc gia bị biến thành “vô chủ” và làm triệt tiêu các động lực phát triển.

(2) *Cường điệu vai trò quyết định của quan hệ sở hữu*, trên thực tế đã nhận thức không đúng mối quan hệ biện chứng giữa quan hệ sở hữu với lực lượng sản xuất, với quan hệ tổ chức, quản lý và phân phối, xem nhẹ việc giải quyết, xử lý các mặt này.

(3) *Tuyệt đối hóa vai trò của nhà nước và công cụ kế hoạch, phủ nhận vai trò của thị trường*, dẫn đến hành chính hóa toàn bộ các quan hệ kinh tế. Đồng thời, *không thấy khả năng tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng (quản lý kinh doanh)*, dẫn đến Nhà nước nắm tất cả và can thiệp trực tiếp vào sản xuất kinh doanh, làm hạn chế quyền tự chủ của doanh nghiệp và triệt tiêu tính tích cực của người sản xuất, dẫn đến năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế thấp ở cả tầm vi mô và vĩ mô.

Những khuyết điểm trên kéo dài làm cho kinh tế xã hội đất nước từ cuối những năm 1970 lâm vào khủng hoảng, đòi hỏi phải tiến hành đổi mới.

1.2. Quan điểm, chủ trương từ đổi mới đến nay

Từ cuối những năm 1970, đầu 1980, Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam đã nhận thấy

Đàm Kiến Lập, ThS., Văn phòng Trung ương Đảng.

những hạn chế, khiếm khuyết và cả những sai lầm, nên có những điều chỉnh nhất định; nhưng từ Đại hội VI trở đi, nhận thức và chủ trương, chính sách về sở hữu mới thực sự có bước đổi mới căn bản. Nhìn chung, sau hơn 20 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã từng bước đổi mới tư duy, phát triển nhận thức lý luận, sửa đổi, bổ sung ngày càng hoàn thiện hơn chủ trương, chính sách liên quan đến vấn đề này, cụ thể là:

• Về vấn đề sở hữu nói chung:

(1) *Quan hệ sở hữu là một bộ phận của quan hệ sản xuất.* Đổi mới quan hệ sản xuất là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ và phải đổi mới đồng bộ cả 3 mặt: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối. Các mặt này có quan hệ hữu cơ với nhau, trong đó sở hữu là nội dung cốt lõi, xử lý đúng mặt này là điều có ý nghĩa quyết định để phát huy các nguồn lực phát triển kinh tế xã hội (Đại hội VI).

(2) *Phân biệt rõ sở hữu kinh tế với sở hữu pháp lý,* một bên là quan hệ khách quan, còn một bên là quan hệ pháp luật phát sinh dựa trên các quy phạm pháp luật.

(3) *Sở hữu vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện,* bởi nó là một bộ phận cấu thành hữu cơ của mỗi hình thái kinh tế xã hội nhất định. Nó không chỉ góp phần thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, mà còn là nền tảng kinh tế của chế độ chính trị xã hội; nó quyết định quá trình sản xuất, định đoạt việc phân phối sản phẩm và chi phối các sinh hoạt chính trị xã hội, cho nên xây dựng chế độ công hữu XHCN vừa là mục tiêu vừa là phương tiện (Hội nghị giữa nhiệm kỳ khoá VII).

(4) *Bước đầu thấy được tính tương đối của sở hữu,* không tuyệt đối hóa quyền hạn của chủ sở hữu như trước, khi cho rằng trong quan hệ sở hữu, không chỉ chủ sở hữu mà cả những người liên quan đều có những quyền năng nhất định đối với tài sản, đồng thời cũng có nghĩa vụ nhất định đối với xã hội.

(5) *Thấy được sự tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng¹* và coi đây là phương pháp luận để giải quyết có hiệu quả vấn đề

doanh nghiệp nhà nước, sở hữu nhà nước và sở hữu đất đai (Đại hội VII).

• Về các loại hình sở hữu và thành phần kinh tế:

(6) Đặc điểm có tính quy luật của thời kỳ quá độ lên CNXH là tồn tại lâu dài nhiều thành phần kinh tế dựa trên nhiều loại hình sở hữu khác nhau. Các hình thức sở hữu có bản chất riêng nhưng trong thực tiễn có nhiều loại hình hỗn hợp, đan xen với nhau (Đại hội VI). Ở Việt Nam hiện có ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), trên cơ sở đó hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế (Đại hội X).

(7) Các thành phần kinh tế đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, chúng vừa hợp tác, bổ sung, vừa cạnh tranh nhau và đều bình đẳng trước pháp luật. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc. Kinh tế nhà nước không nhất thiết chiếm tỷ trọng lớn, nhưng cần có lực lượng đủ sức chi phối thị trường (nhiều Đại hội).

(8) Doanh nghiệp nhà nước chỉ là một bộ phận quan trọng của kinh tế nhà nước, cần được củng cố, phát triển trên những lĩnh vực, vị trí then chốt của nền kinh tế. Đẩy mạnh cổ phần hóa đại bộ phận doanh nghiệp nhà nước nhằm chuyển đổi cơ cấu sở hữu, cơ chế quản lý, huy động thêm vốn, tạo động lực mới để phát triển, nâng cao hiệu quả kinh doanh (từ Đại hội VII). Doanh nghiệp nhà nước có quyền tài sản, thực sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm trên thị trường và trước pháp luật. Thể chế sở hữu nhà nước được hoàn thiện theo hướng tách bạch vai trò của Nhà nước với tư cách là bộ máy công quyền với vai trò chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước và tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước với chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, thu hẹp và tiến tới xóa bỏ chức năng

1. Tuy điều này đã từng được Các Mác nói đến trong bộ Tư bản khi bàn về địa tô và công ty cổ phần.

đại diện chủ sở hữu nhà nước của các bộ, ủy ban nhân dân đối với tài sản, vốn nhà nước (Nghị quyết TƯ 6, khóa X); vai trò đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp được giao cho hội đồng quản trị; tiếp tục đổi mới, củng cố, phát huy vai trò của mô hình công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (Nghị quyết TƯ 3, khóa IX).

(9) Đổi mới, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác theo cơ chế thị trường, cho phép thành lập các hợp tác xã cổ phần (Nghị quyết TƯ 6, khóa X).

(10) Vai trò kinh tế tư nhân, sở hữu hỗn hợp và hình thức doanh nghiệp cổ phần ngày càng được đề cao đối với việc thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội hóa sản xuất: kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế. Khuyến khích liên kết giữa các hình thức sở hữu, làm cho chế độ cổ phần, sở hữu hỗn hợp trở thành hình thức sở hữu chủ yếu của các doanh nghiệp. Doanh nghiệp cổ phần ngày càng phát triển, trở thành hình thức tổ chức kinh tế phổ biến, thúc đẩy xã hội hóa sản xuất kinh doanh và sở hữu (Đại hội X).

(11) Khẳng định mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH là *nền kinh tế thị trường định hướng XHCN*. Đó là nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế của CNXH và các yếu tố bảo đảm tính định hướng XHCN. Trong nền kinh tế đó, các thiết chế, công cụ và nguyên tắc vận hành kinh tế thị trường được tự giác tạo lập và sử dụng để giải phóng triệt để sức sản xuất, từng bước cải thiện đời sống của nhân dân, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; phát triển kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát

triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội; phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng (Đại hội IX, X).

• Về đất đai:

(12) Khẳng định đất đai nói chung, ruộng đất nói riêng thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý.

(13) Nhà nước giao ruộng đất lâu dài cho các tổ chức và cá nhân với quyền sử dụng được mở rộng thành 7 quyền gồm: quyền sử dụng, quyền thừa kế, quyền thế chấp, quyền cho thuê, quyền chuyển đổi, quyền tặng, quyền góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất... Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật để các quyền về đất và bất động sản được vận động theo cơ chế thị trường, trở thành một nguồn vốn trong sản xuất kinh doanh. Xác định rõ quyền sử dụng đất là một loại hàng hóa đặc biệt, được định giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý và điều tiết của Nhà nước.

(14) Nhà nước quy định hạn điền, thực hiện cho thuê phần đất vượt hạn điền để đáp ứng yêu cầu tích tụ, tập trung ruộng đất, vừa hạn chế những hậu quả xấu về mặt xã hội do xu thế đó tạo ra. Đồng thời khuyến khích người dân góp quyền sử dụng đất vào hợp tác xã, công ty cổ phần.

(15) Cho phép người nước ngoài được quyền mua, sở hữu nhà ở gắn với quyền sử dụng đất và tài sản khác với những điều kiện nhất định...

2. Nhận thức chung về sở hữu trong giới nghiên cứu khoa học

Giới lý luận đã có nhiều nghiên cứu, giúp cho việc nhận thức, giải quyết vấn đề sở hữu ngày càng phù hợp hơn. Song, cho đến nay vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí đối lập nhau về những điều rất cơ bản:

2.1. Những vấn đề liên quan đến khái niệm sở hữu

- Về bản chất của sở hữu: hiện nay có 3 quan niệm hoàn toàn khác nhau. Quan niệm chính thống và phổ biến cho rằng: sở hữu là một bộ phận của quan hệ sản xuất, tức là quan hệ giữa người và người, quan hệ chủ thể - chủ thể². Bên cạnh đó vẫn còn quan niệm cho rằng: sở hữu là quan hệ giữa người và vật, quan hệ chủ thể - khách thể³. Một quan niệm khác mà đại biểu là J. Kornai và Nguyễn Cúc, lại coi sở hữu là quan hệ “kép”, có tính hai mặt: trước hết là quan hệ giữa người và vật, mặt khác là quan hệ giữa người và người⁴; hoặc xét về mặt đối tượng sở hữu thì đó là quan hệ giữa con người với tự nhiên và được hiểu là chiếm hữu, xét về mặt lợi ích thì đó là quan hệ giữa người và người và được gọi là sở hữu. Tình hình đó phải chăng là có sự nhầm lẫn giữa khái niệm sở hữu (thuộc quan hệ sản xuất) với khái niệm phương thức sản xuất, hoặc lực lượng sản xuất khi cho quan hệ sở hữu là quan hệ “kép” hoặc là quan hệ giữa người và vật (?).

- Về định nghĩa sở hữu: có rất nhiều định nghĩa khác nhau về sở hữu. Ngoài cách hiểu phổ thông: “Sở hữu là cái mà mình có”⁵; hoặc một số định nghĩa dựa vào tác dụng, ý nghĩa của nó như: sở hữu thực chất là cách thức “thực hiện lợi ích kinh tế”⁶; “là quyền tự do chi phối sức lao động của người khác”⁷... hầu hết các định nghĩa mang tính học thuật đều diễn đạt dựa vào sự “chiếm hữu” là một khái niệm còn chưa rõ nghĩa, chưa thống nhất nhận thức. Nói chung, các định nghĩa về sở hữu chưa giúp nhận diện được những quan hệ sở hữu đang tồn tại phong phú, đa dạng trong hiện thực.

- Phân biệt sở hữu kinh tế và sở hữu pháp lý: đến nay, hầu như mọi người đều thừa nhận sở hữu kinh tế khác với sở hữu pháp lý; nhiều người thấy được sở hữu kinh tế là quan hệ khách quan, còn sở hữu pháp lý là cái chủ quan, là những quan hệ sở hữu chịu sự điều chỉnh, chi phối của các quy phạm pháp luật, thuộc kiến trúc thượng tầng, có tính ổn định

và thường lạc hậu hơn so với các quan hệ sở hữu trong thực tế. Tuy nhiên, vẫn còn có người cho sở hữu có tính hai mặt là sở hữu kinh tế và sở hữu pháp lý⁸.

- Ngoài ra, việc nhận thức và phân biệt các khái niệm: *sở hữu* với *quan hệ sở hữu*, *quyền sở hữu*; *giữa quan hệ sở hữu* với *quan hệ sản xuất*; *giữa chế độ sở hữu* với *loại hình sở hữu*, *hình thức sở hữu*... cũng còn có sự khác nhau ở những khía cạnh nhất định. Chẳng hạn như: có giáo trình cho: “Sở hữu bao gồm hai khía cạnh gắn bó hữu cơ với nhau là nội dung sở hữu và quan hệ sở hữu.”, quan hệ sở hữu gồm có chủ thể sở hữu và đối tượng sở hữu⁹. Việc sử dụng từ ngữ “loại hình” và “hình thức sở hữu” cũng chưa thống nhất với nhau. Về các loại hình (hoặc hình thức) sở hữu cơ bản, có ý kiến cho rằng chỉ có *hai loại là sở hữu công cộng (công hữu) và sở hữu tư nhân (tư*

2. Viện Thông tin khoa học (1995): “*Tổng luận phân tích: Một số vấn đề về quan hệ sở hữu hiện đại*”, Tài liệu của Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội, tr.4.

3. Đỗ Hoàng Toàn (chủ biên) (2002): *Quản lý kinh tế (Dùng cho hệ cao học và nghiên cứu sinh)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội; ở trang 28 cho rằng: quan hệ sở hữu là quan hệ giữa chủ thể sở hữu và đối tượng sở hữu. Hoặc Trường Đại học Luật Hà Nội (2000), *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, ở trang 147 cho: “Sở hữu được hiểu chính là việc chiếm giữ những sản vật tự nhiên, những thành quả lao động của xã hội loài người”.

4. Kornai János (2002): *Hệ thống xã hội chủ nghĩa chủ nghĩa*, Nxb Văn hóa- Thông tin, Hà Nội, tr. 61. Và Nguyễn Cúc và Kim Văn Chính (2006), “*Sở hữu nhà nước và doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*”, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, tr. 28.

5. Từ điển tiếng Việt, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 687

6. Viện Thông tin khoa học (1995): “*Tổng luận phân tích: Một số vấn đề về quan hệ sở hữu hiện đại*”, Tài liệu của Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội, tr. 24.

7. Các Mác và Ph. Ăngghen, Tuyển tập, tập 1. Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1980, tr. 293.

8. Nguyễn Cúc và Kim Văn Chính (2006): “*Sở hữu nhà nước và doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*”, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, tr. 22-24.

9. Đỗ Hoàng Toàn (chủ biên) (2002): *Quản lý kinh tế (Dùng cho hệ cao học và nghiên cứu sinh)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 28.

hữu)¹⁰; nhưng cũng có người cho rằng có 3 loại, ngoài công hữu và tư hữu còn có thêm sở hữu hỗn hợp, hoặc có 3 loại là sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. Nhiều người cũng còn đồng nhất chế độ sở hữu khách quan với chế độ sở hữu pháp lý khi cho: “Khi các loại hình sở hữu, hình thức sở hữu đang tồn tại được thừa nhận và thể chế hóa thành pháp luật thì toàn bộ văn bản pháp lý ấy và cơ chế vận hành tạo thành chế độ sở hữu”¹¹, mà quên rằng khi chưa có nhà nước vẫn có chế độ sở hữu.

2.2. Về vai trò và ý nghĩa của vấn đề sở hữu

Những người đứng trên lập trường của chủ nghĩa Mác – Lênin đều đề cao tầm quan trọng của vấn đề sở hữu, cho đây là vấn đề cơ bản, nằm ở vị trí trung tâm của nhận thức và hoạt động thực tiễn; là phạm trù cơ bản, xuất phát của kinh tế chính trị học¹²; là nguồn gốc sâu xa của mọi động lực phát triển xã hội. Sở hữu vừa là mục tiêu và là phương tiện, vừa là nguyên nhân và là kết quả của sự phát triển lực lượng sản xuất; giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ, nhấn mạnh mặt nào cũng đều cực đoan, phiến diện. Sự thất bại của các nước XHCN trước đây đều có nguyên nhân sâu xa từ việc nhận thức, giải quyết không đúng vấn đề này. Thậm chí có người còn cho sở hữu là vấn đề của mọi vấn đề¹³. Trái lại, cũng có nhiều người cho rằng không nên quan trọng hóa vấn đề sở hữu, bởi nó chỉ là “phạm trù mang tính phương tiện”, phát triển lực lượng sản xuất mới là mục đích¹⁴. Trong nền kinh tế thị trường, vấn đề cốt tử không phải là ai nắm tư liệu sản xuất mà là ai thúc đẩy kinh tế phát triển. Thậm chí có người cho rằng: “Hiện nay người ta đã nghiên cứu tới sự đụng độ giữa các nền văn minh, tới kinh tế tri thức rồi, ở đó còn nghiên cứu mãi vấn đề sở hữu!”; “Nghiên cứu sở hữu chẳng giải quyết được gì đâu, bây giờ mà còn nghiên cứu thì quả là bảo thủ!”.

2.3. Về cấu thành của quan hệ sở hữu¹⁵, các tính chất và xu hướng vận động của nó

Vấn đề này còn ít được nghiên cứu. Đến nay chưa thấy ai dựa vào cấu trúc và cơ chế

vận động của quan hệ sở hữu để định nghĩa, hoặc phân biệt sự khác nhau giữa các loại hình, hình thức sở hữu.

- Về các bộ phận (yếu tố) cấu thành quan hệ sở hữu, hiện nay có một số quan niệm rất khác nhau. Theo khoa học pháp lý Việt Nam, quan hệ pháp luật dân sự về sở hữu có 3 yếu tố cấu thành là chủ thể, khách thể và nội dung quyền sở hữu. Giáo trình quản lý kinh tế của Đại học Kinh tế quốc dân lại cho cấu trúc của khái niệm sở hữu gồm có nội dung sở hữu và quan hệ sở hữu: nội dung sở hữu bao gồm 3 quyền: chiếm hữu, sử dụng, định đoạt; còn quan hệ sở hữu bao gồm chủ thể sở hữu và đối tượng sở hữu¹⁶. Một đề tài khoa học cấp nhà nước tán thành quan niệm của J. Kornai cho rằng “các thành phần của sở hữu” gồm có 4 yếu tố cơ bản là: “đối tượng sở hữu, chủ thể sở hữu, quyền sở hữu và những cản trở thực hiện quyền sở hữu”¹⁷. Một số tài liệu khác cũng có nói đến kết cấu bên trong và bên ngoài của sở hữu nhưng không nói rõ chúng là như thế nào¹⁸.

10. Viện Thông tin khoa học (1995): “*Tổng luận phân tích: Một số vấn đề về quan hệ sở hữu hiện đại*”, Tài liệu của Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội, tr. 4.

11. Sđd. tr.5-6.

12. Sđd. tr.1-2.

13. Hồ Tấn Phong (2002): “Quan hệ sở hữu – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Phát triển kinh tế* (số tháng 12-2002), tr. 33.

14. Nguyễn Cúc và Kim Văn Chính (2006): “*Sở hữu nhà nước và doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*”, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội, tr. 21.

15. Cần phân biệt khái niệm cấu thành của quan hệ sở hữu, tức cấu trúc vi mô của nó, với kết cấu các hình thức sở hữu trong nền kinh tế quốc dân.

16. Đỗ Hoàng Toàn (chủ biên) (2002): *Quản lý kinh tế (Dùng cho hệ cao học và nghiên cứu sinh)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 28.

17. Nguyễn Cúc và Kim Văn Chính (2006): “*Sở hữu nhà nước và doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*”, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, tr. 33.

18. Viện Thông tin khoa học (1995): “*Tổng luận phân tích: Một số vấn đề về quan hệ sở hữu hiện đại*”, Tài liệu của Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội, tr. 28.

Đáng chú ý là, hầu như mọi người đều thấy rõ sở hữu luôn gắn liền với lợi ích, mục đích của sở hữu là lợi ích, “Quan hệ sở hữu thực chất là quan hệ lợi ích”¹⁹..., nhưng chưa thấy ai xem “lợi ích” là một bộ phận cấu thành của quan hệ sở hữu, là mặt thể hiện nội dung bên trong, quyết định bản chất của các hình thức sở hữu. Hơn nữa, hầu như trong giới nghiên cứu cũng chưa chú ý đi sâu tìm hiểu cấu trúc của từng bộ phận cấu thành quan hệ sở hữu. Trong khi cho sở hữu là quan hệ giữa người và người, nhưng người ta chỉ mới chú ý đến chủ thể quyền, mà chưa chú ý đến chủ thể nghĩa vụ của quan hệ sở hữu. Những hạn chế này phải chăng cũng giống như chúng ta mới chú ý tới “phần nổi của tảng băng”.

Mọi người cũng đều thấy ngày càng xuất hiện nhiều đối tượng sở hữu mới, thậm chí các quyền tài sản ngày nay cũng trở thành đối tượng sở hữu. Và hầu như ai cũng biết quan hệ sản xuất, quan hệ sở hữu có mối quan hệ biện chứng với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, nhưng chưa ai nghiên cứu mối quan hệ giữa hình thức sở hữu với trình độ phát triển của đối tượng sở hữu.

Đã có một số công trình đi sâu phân tích cấu trúc của quyền sở hữu, cho rằng sở hữu là một tổ hợp rất nhiều quyền. Tổ hợp ấy có thể chia tách thành từng bộ phận (chứ không chỉ tách quyền sở hữu và quyền sử dụng), những người được gọi là đồng sở hữu có thể chỉ sở hữu một số quyền khác nhau trong tổ hợp đó (ví dụ như trường hợp Nhà nước và nông dân đồng sở hữu ruộng đất, hoặc doanh nghiệp nhà nước cũng tương tự). Khi có nhiều người đồng sở hữu; thì quyền hưởng thụ và sự hưởng thụ thực tế phải được phân chia thỏa đáng cho mọi đồng sở hữu. Ý kiến này cho rằng quan niệm như vậy sẽ mở ra khả năng hiện thực về cách thức thực hiện chế độ công hữu đối với toàn bộ tư liệu sản xuất mà vẫn có sở hữu cá nhân của người lao động về tư liệu sản xuất²⁰. Đây là một bước tiến mới trong nhận thức quan hệ sở hữu, nó mở ra khả năng có thể nhận thức và xác lập

đúng thực chất, có hiệu quả hơn chế độ công hữu XHCN về tư liệu sản xuất.

- Về các tính chất cơ bản của sở hữu: hầu như ai cũng thấy tính khách quan, tính lịch sử của sở hữu, nhưng khi xác định vai trò và xác lập các loại hình sở hữu, hoặc khi bàn đến sở hữu pháp lý người ta lại thường rơi vào chủ quan, duy ý chí. Mọi người cũng đều thấy được tính động lực của sở hữu, thấy rõ sở hữu gắn liền trực tiếp với lợi ích kinh tế, nhưng vẫn có người cho sở hữu là “một phạm trù mang tính phương tiện, một yếu tố linh hoạt có thể sử dụng trên con đường xây dựng chế độ xã hội mới”²¹. Quan niệm hiện nay vẫn còn đề cao tính tuyệt đối của sở hữu và tuyệt đối hóa vai trò của chủ thể quyền sở hữu, cho rằng “ai sở hữu người đó quyết định tất cả” mà chưa thấy rõ tính tương đối của nó, nhất là đối với các hình thức sở hữu xã hội hóa. Một số tác giả còn cho sở hữu có tính 2 mặt, gồm: sở hữu tư nhân và sở hữu xã hội; hay sở hữu có 2 mặt lượng và chất; hoặc sở hữu vừa là quan hệ pháp lý, vừa là quan hệ kinh tế. Nói chung, việc nghiên cứu về mặt này còn ít.

- Về nguồn gốc, động lực và xu hướng vận động của các loại hình, hình thức sở hữu: các công trình nghiên cứu về phương diện này còn ít, người ta chủ yếu mới thấy sở hữu vận động theo xu hướng ngày càng xã hội hóa và đa dạng, mà chưa chỉ ra được nguồn gốc, động lực thúc đẩy sự vận động, phát triển của sở hữu. Chỉ mới thấy một tác giả cho rằng sự thống nhất và đấu tranh giữa các loại hình, hình thức sở hữu với nhau là nguồn gốc và động lực thúc đẩy sở hữu vận động phát triển theo xu hướng tăng dần tính xã hội hóa²², tức mới thấy mâu thuẫn bên ngoài, chưa phát hiện được mâu thuẫn bên trong của từng quan hệ sở hữu.

19. Sdd. tr.10

20. Nguyễn Văn Thúc (2004): “Sở hữu: Lý luận và vận dụng ở Việt Nam”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 53-55.

21. Nguyễn Cúc và Kim Văn Chính (2006): “Sở hữu nhà nước và doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam”, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội, tr. 21.

2.4. Phân loại sở hữu và phân biệt sở hữu XHCN với sở hữu TBCN

• Hiện nay người ta phân loại sở hữu chủ yếu dựa vào chủ thể và đối tượng sở hữu. Phân loại dựa vào chủ thể sở hữu có nhiều cách nhìn nhận khác nhau: theo Bộ luật Dân sự Việt Nam có 6 hình thức sở hữu gồm: sở hữu toàn dân; sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp; sở hữu tư nhân; sở hữu tập thể; sở hữu hỗn hợp; sở hữu chung. Quan niệm khác cho rằng, xét ở dạng thái khái quát nhất thì chỉ có 2 hình thức sở hữu cơ bản: đó là công hữu hay tư hữu, hay sở hữu chung và sở hữu riêng, còn các hình thức khác chỉ là dạng trung gian²³. Ý kiến khác lại cho rằng, trong xã hội luôn tồn tại 3 loại hình sở hữu cơ bản là công hữu, tư hữu và sở hữu hỗn hợp; mỗi loại hình sở hữu cơ bản đó lại gồm nhiều hình thức sở hữu cụ thể, ví dụ như công hữu có: sở hữu toàn dân, sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể; tư hữu có sở hữu tư nhân TBCN, tiểu chủ, cá thể... Quan niệm về sở hữu toàn dân, sở hữu nhà nước, sở hữu hỗn hợp cũng còn rất khác nhau. Một số người còn phân biệt sự khác nhau giữa sở hữu tư nhân với sở hữu cá nhân²⁴. Phân loại dựa vào đối tượng sở hữu có các loại sau: sở hữu tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng; sở hữu đất đai; sở hữu trí tuệ; sở hữu động sản và bất động sản,...

• Phân biệt sở hữu tư nhân TBCN và sở hữu công cộng XHCN: hai loại hình sở hữu này đã được nói đến nhiều nhưng vẫn chưa được nhận diện rõ ràng, chủ yếu mới được phát biểu, lý giải về mặt định tính, chưa làm rõ thế nào là sở hữu công cộng XHCN, đặc điểm cấu trúc, nội dung bản chất, hình thức biểu hiện và điều kiện ra đời, tồn tại của nó ra sao, nó khác với sở hữu tư nhân TBCN như thế nào. Có nhiều quan niệm khác nhau về sở hữu XHCN: có ý kiến cho “dấu hiệu quan trọng của sở hữu XHCN là địa vị của người lao động như chủ sở hữu toàn quyền đối với điều kiện và kết quả của sản xuất”, bởi “bất kỳ sự hạn chế nào cũng đều tách người lao động khỏi quyền sở hữu”; và “sở hữu xã hội đối với tư liệu sản xuất có nghĩa là tư liệu sản

xuất thuộc sở hữu của tất cả mọi người và thuộc về mỗi người”²⁵. Khá nhiều ý kiến cho sở hữu XHCN được hình thành khi công ty cổ phần trở thành phổ biến. Cũng có ý kiến cho rằng: phát triển quan hệ sở hữu dưới CNXH không phải là công hữu hóa mà là hữu sản hóa người lao động, là tư hữu.

2.5. Về kết cấu sở hữu, thành phần kinh tế, hình thức kinh tế và lợi ích kinh tế

Quan niệm chính thống cho rằng, mỗi hình thái kinh tế - xã hội tương ứng với một chế độ sở hữu. Mỗi chế độ sở hữu đều có kết cấu sở hữu riêng, trong đó có một loại hình (hoặc hình thức) sở hữu giữ vai trò thống trị, cùng tồn tại với nhiều hình thức sở hữu cũ và mới đan xen lẫn nhau. Cũng có quan niệm cho rằng: trong một cộng đồng xã hội luôn tồn tại nhiều chế độ sở hữu, trong đó có một chế độ sở hữu thống trị, và mỗi chế độ sở hữu lại có nhiều hình thức sở hữu cụ thể khác nhau.

Về tính tất yếu, khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần và mối quan hệ giữa sở hữu với thành phần kinh tế, hình thức kinh tế và lợi ích kinh tế đã được nghiên cứu tương đối rõ. Theo đó, các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế được thể hiện dưới những hình thức kinh tế cụ thể. Các hình thức kinh tế không những là biểu hiện bên ngoài, mà còn là điều kiện để thực hiện lợi ích kinh tế của các quan hệ sở hữu. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay có kết cấu sở hữu như thế nào, có bao nhiêu thành phần kinh tế, nên phân chia nền kinh tế theo thành phần hay theo

22. Nguyễn Văn Thúc (2004): “Sở hữu: Lý luận và vận dụng ở Việt Nam”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 69-70.

23. Viện Thông tin khoa học (1995): “Tổng luận phân tích: Một số vấn đề về quan hệ sở hữu hiện đại”, Tài liệu của Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội, tr. 4.

24. Nguyễn Văn Thúc (2004): “Sở hữu: Lý luận và vận dụng ở Việt Nam”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 48-52

22. Nguyễn Văn Thúc (2004): “Sở hữu: Lý luận và vận dụng ở Việt Nam”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 69-70.

25. Viện Thông tin khoa học (1995): “Tổng luận phân tích: Một số vấn đề về quan hệ sở hữu hiện đại”, Tài liệu của Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội, tr.12.

khu vực kinh tế cũng còn nhiều ý kiến khác nhau. Gần đây, nhiều người chú ý đến việc phân biệt sự khác nhau giữa hình thức sở hữu và hình thức thực hiện sở hữu.

Về vị trí, vai trò, xu hướng vận động của các loại hình sở hữu và các thành phần kinh tế tương ứng: mặc dù mọi người đều thấy được xu hướng xã hội hóa sở hữu, nhưng có người chưa tin sẽ dẫn đến hình thành sở hữu XHCN, hoặc nếu có thì còn rất lâu dài. Những người thực chứng, kinh nghiệm chủ nghĩa không tin vào tính hiệu quả của chế độ công hữu, từ đó còn hoài nghi vai trò nền tảng của kinh tế nhà nước và tập thể. Không ít người cho rằng kinh tế tư nhân, kinh tế có sở hữu hỗn hợp đang phát triển nhanh, sẽ ngày càng lớn mạnh và trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

2.6. Về sở hữu đất đai

Tuy đất đai luôn được khẳng định là thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý, Nhà nước giao ruộng đất cho các tổ chức, cá nhân sử dụng lâu dài với những quyền hạn và điều kiện nhất định; nhưng vẫn còn ý kiến cho rằng “sở hữu toàn dân là trừu tượng”; để quản lý, phân bổ, sử dụng có hiệu quả, nên thực hiện nhiều hình thức sở hữu đối với đất đai.

3. Những vấn đề đang đặt ra về sở hữu và phương hướng giải quyết

3.1. Những thành tựu, hạn chế trong nhận thức, giải quyết vấn đề sở hữu

• Về thành tựu. Từ sau Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đến nay, vấn đề sở hữu đã được tiếp tục quan tâm nghiên cứu với tư duy đổi mới, qua đó: (1) Đã cơ bản khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng của vấn đề sở hữu đối với lý luận và thực tiễn, nhưng cũng không quá cường điệu như trước đổi mới. (2) Về bản chất của sở hữu, tuy còn ý kiến khác nhau nhưng hầu hết đều nhất trí sở hữu là quan hệ xã hội, quan hệ về lợi ích và đã phân biệt rõ hơn sự khác nhau giữa sở hữu và chiếm hữu; giữa sở hữu kinh tế và sở hữu pháp lý... Trên cơ sở đó đã giúp nhận thức rõ hơn những nội dung liên quan đến sở hữu và

sự vận động, phát triển phong phú đa dạng của nó. (3) Thấy rõ sự phân lập có tính khách quan và tương đối giữa các quyền năng sở hữu, nhất là giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng, coi đây là phương pháp luận để giải quyết có hiệu quả vấn đề sở hữu toàn dân về đất đai và sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước. (4) Chứng minh được sự tồn tại khách quan, đa dạng và sự kết hợp, đan xen giữa các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế trong các thời kỳ lịch sử, nhất là trong thời kỳ quá độ từ hình thái kinh tế xã hội này sang hình thái khác. (5) Thừa nhận sự tồn tại khách quan và ngày càng đề cao vai trò quan trọng của kinh tế tư nhân, coi đây là những bộ phận hợp thành quan trọng và là một động lực phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế quốc dân. (6) Thấy rõ xu hướng xã hội hóa sản xuất, sở hữu, thể hiện qua sự phát triển ngày càng phổ biến các hình thức kinh tế có sở hữu hỗn hợp, nhất là các doanh nghiệp cổ phần...

Thành tựu nghiên cứu về sở hữu đã giúp nhận rõ hơn những sai lầm, khuyết điểm trước đổi mới, góp phần quan trọng vào việc hoạch định chủ trương, chính sách, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng và phát triển kinh tế xã hội với tốc độ khá cao, đồng thời tích cực bảo vệ và bổ sung, phát triển lý luận về vấn đề này. Những thành tựu đó chủ yếu là nhờ Đảng, Nhà nước và giới nghiên cứu đã có nhiều đổi mới về tư duy lý luận: một mặt, vừa kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin; mặt khác, đã nhận ra và khắc phục có kết quả nhất định tính chủ quan, duy ý chí, cực đoan, siêu hình trong nhận thức và giải quyết các vấn đề liên quan đến sở hữu.

• Tuy nhiên, xung quanh việc nhận thức và giải quyết vấn đề sở hữu vẫn còn *những hạn chế, vướng mắc* chủ yếu như sau:

- Về nhận thức, lý luận: (1) Như mục 2 cho thấy, đến nay vẫn còn quan niệm rất khác nhau về nhiều vấn đề rất cơ bản như: bản chất của sở hữu, các yếu tố cấu thành của sở hữu, vị trí vai trò của nó, cách phân loại các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế...

(2) Chưa có một định nghĩa thống nhất về sở hữu. Các định nghĩa hiện nay chưa phản ánh đầy đủ nội dung bản chất của quan hệ sở hữu và chưa bao quát hết các hình thức sở hữu phong phú, đa dạng trong thực tiễn. Các định nghĩa phần lớn đều dựa trên “sự chiếm hữu” là một khái niệm chưa rõ nghĩa, chưa thống nhất nhận thức. Nhiều khái niệm liên quan đến “sở hữu” cũng chưa được phân biệt rõ. (3) Chưa làm rõ đặc trưng bản chất, cấu thành và phương thức xác lập sở hữu XHCN; chưa chứng minh được tính hiệu quả, ưu việt và xu thế tất yếu của nó thay thế sở hữu tư nhân TBCN. Từ đó, lúng túng trong nhận thức và giải quyết nhiều vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn như: chưa thống nhất nhận thức về những đặc trưng bản chất của CNXH; chưa làm rõ, đủ sức thuyết phục tính định hướng XHCN của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam; chưa thống nhất việc phân chia và xác định vai trò của các thành phần kinh tế...

- Về thực tiễn, chủ yếu là chưa giải quyết tốt vấn đề vai trò và hiệu quả của các hình thức sở hữu nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, sở hữu tập thể và các hợp tác xã, sở hữu toàn dân đối với đất đai và các tài nguyên thiên nhiên; chưa lý giải có sức thuyết phục vấn đề đảng viên làm kinh tế và phát triển đảng trong giới chủ doanh nghiệp tư nhân... Nói chung, chưa làm rõ và xác lập có hiệu quả chế độ sở hữu XHCN đối với những tư liệu sản xuất chủ yếu trong quá trình đi lên CNXH ở nước ta.

• Những hạn chế, vướng mắc trên có nhiều nguyên nhân:

- Về khách quan, chủ yếu do: tính phức tạp, rộng lớn của vấn đề sở hữu. Việc đổi mới tư duy, phát triển nhận thức là không dễ dàng, cần phải có thời gian. Mặt khác, do trước đây trong điều kiện chiến tranh, chế độ “công hữu” phát huy tác dụng tích cực, nên khi chuyển sang thời kỳ xây dựng đất nước, những nhược điểm không dễ nhận ra. Hơn nữa, nền kinh tế Việt Nam phổ biến là sản xuất nhỏ, tính chất, trình độ xã hội hóa chưa cao, một thời gian dài cô lập với thế giới bên ngoài, nên những biểu hiện xã hội hóa sở hữu một cách khách quan chưa bộc lộ rõ để có thể nhận thức²⁶.

- Về chủ quan: nguyên nhân cụ thể, trực tiếp là do trước đây quan niệm giản đơn, giáo điều về CNXH, về sở hữu XHCN và quá trình xây dựng CNXH. Cho rằng có thể nhanh chóng xác lập chế độ sở hữu XHCN và xây dựng thành công CNXH trong vài kế hoạch 5 năm. Đồng nhất xã hội hóa sở hữu với quốc hữu hóa và tập thể hóa, đồng nhất sở hữu toàn dân với sở hữu nhà nước; cho sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể là tiêu biểu cho sở hữu XHCN. Từ đó đã sử dụng biện pháp hành chính để nhanh chóng hình thành sở hữu XHCN, dẫn đến nhà nước hóa, hành chính hóa nặng nề các quá trình chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài nguyên quốc gia và tài sản xã hội. Ngày nay, tuy đã căn bản đổi mới tư duy nhưng quan niệm cũ vẫn còn tồn tại dai dẳng thể hiện qua một số quan điểm về vai trò của Nhà nước, của kinh tế nhà nước và tập thể đối với việc bảo đảm tính định hướng XHCN của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam; hệ thống lý luận và hệ thống pháp luật về sở hữu còn nhiều bất cập, có mặt chưa phù hợp, chưa chặt chẽ, dễ bị lợi dụng, làm cho các quan hệ sở hữu được coi là ưu việt bộc lộ nhiều yếu kém, tiêu cực.

Nguyên nhân sâu xa là do những lệch lạc về thế giới quan và phương pháp luận được khắc phục chậm, chưa triệt để: từ Đại hội VI của Đảng đến nay tuy đã có bước đổi mới, song trong nhận thức và giải quyết vấn đề sở hữu vẫn còn biểu hiện duy tâm chủ quan, duy ý chí và về mặt phương pháp luận vẫn còn mang tính chất máy móc, siêu hình. Biểu hiện ở chỗ: mặc dù cho sở hữu là hiện tượng khách quan, nhưng trên thực tế, vẫn chủ trương xác lập chế độ sở hữu theo ý chí chủ quan. Cho kinh tế nhà nước là nền tảng của nền kinh tế

26. Có ý kiến cho là do “chưa đạt tới trình độ xã hội hóa cần thiết của lực lượng sản xuất, chưa đạt tới độ chín muồi của sở hữu XHCN, mà tồn tại mâu thuẫn khách quan: mâu thuẫn giữa sở hữu toàn dân, sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể với việc phát huy tính năng động, tính hiệu quả của nền sản xuất đòi hỏi phải trao quyền tự chủ cho mỗi đơn vị, mỗi khâu, mỗi cá nhân trong quá trình sản xuất” (Viện Thông tin khoa học (1995): “Tổng luận phân tích: Một số vấn đề về quan hệ sở hữu hiện đại”, Tài liệu của Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội, tr. 9).

XHCN, trong khi nhà nước là một thực thể thuộc kiến trúc thượng tầng, chưa thấy sự thăng trầm của kinh tế nhà nước tùy thuộc vào các lý thuyết kinh tế được các nhà nước chọn làm chủ thuyết. Chậm đổi mới cách tiếp cận, phương pháp và phương hướng nghiên cứu các vấn đề về sở hữu, còn loay hoay với các quan điểm tư tưởng sẵn có, chưa mạnh dạn phát triển những luận điểm mới, chưa đi sâu nghiên cứu cấu trúc và cơ chế vận động của quan hệ sở hữu, chưa tập trung làm rõ những đặc trưng bản chất và hình thức biểu hiện của sở hữu XHCN với tư cách là những quan hệ kinh tế khách quan. Có thể nói, mặc dù luôn cho rằng đứng trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nhưng trên thực tế đến nay vẫn chưa thoát khỏi hẳn tính duy tâm chủ quan, duy ý chí và giản đơn, giáo điều, siêu hình trong nhận thức, giải quyết các vấn đề liên quan đến sở hữu.

3.2. Những vấn đề đang đặt ra về sở hữu

• Về nhận thức, lý luận: trước hết, cần làm rõ thế nào là sở hữu, nội dung bản chất và hình thức biểu hiện của nó ra sao, cấu trúc và cơ chế vận động vi mô của nó như thế nào, xu hướng vận động và vị trí vai trò của nó đối với lý luận và thực tiễn... nhằm thống nhất nhận thức và đưa ra một định nghĩa chung về sở hữu. Vấn đề thứ hai là, thế nào là sở hữu xã hội chủ nghĩa; bản chất, cấu trúc và cơ chế vận động của nó khác với sở hữu tư bản chủ nghĩa ra sao; phương thức xác lập như thế nào để đảm bảo được tính hiệu quả và ưu việt; kinh tế đa sở hữu (có sở hữu hỗn hợp) có phải là một thành phần kinh tế và sở hữu cổ phần có phải là một hình thức biểu hiện của chế độ công hữu hay không? Ba là, đặc trưng chung về sở hữu của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và đặc điểm riêng của Việt Nam là như thế nào; cơ cấu, vai trò và xu hướng vận động của các loại hình sở hữu và các thành phần kinh tế ra sao; có thể xem kinh tế sở hữu hỗn hợp là nền tảng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN hay không, nếu có thì tính chất XHCN của loại hình tổ chức kinh tế này thể hiện ở chỗ nào?

• Về thực tiễn, có mấy vấn đề: một là, về sở hữu nhà nước và doanh nghiệp nhà nước: cần xác lập phương thức sở hữu, quản lý, phân phối như thế nào để bảo đảm được tính hiệu quả và ưu việt của sở hữu nhà nước và doanh nghiệp nhà nước nói chung; làm sao thúc đẩy nhanh, đảm bảo tốt mục đích yêu cầu cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tránh được thất thoát tài sản của nhà nước và không để trở thành tư nhân hóa; làm sao đẩy nhanh sự hình thành các tập đoàn kinh tế, đảm bảo các tập đoàn kinh tế làm tốt vai trò “đầu tàu” kinh tế và hoạt động hiệu quả, mô hình tổ chức quản lý và tiến trình hình thành, phát triển nên như thế nào để không phạm phải sai lầm chủ quan, nóng vội như trước; làm sao để khu vực kinh tế nhà nước có được đội ngũ cán bộ và lao động có chất lượng cao như các doanh nghiệp nước ngoài... Hai là, về sở hữu tập thể và kinh tế tập thể: làm thế nào để phát triển và nâng cao hiệu quả sở hữu tập thể và kinh tế tập thể, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và khu vực nông thôn. Ba là, về sở hữu đất đai: làm thế nào để đất đai và các tài nguyên quốc gia được quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng quy hoạch, tiết kiệm và hiệu quả; nên thực hiện chế độ sở hữu toàn dân hay chế độ đa sở hữu đối với đất đai. Nếu thuộc sở hữu toàn dân thì cần có cơ chế quản lý và phân định các quyền như thế nào để tránh lạm dụng và đảm bảo hài hòa lợi ích của quốc gia và người sử dụng. Nên thực hiện chính sách hạn điền như thế nào để đáp ứng yêu cầu tích tụ tập trung ruộng đất, đi lên sản xuất lớn. Bốn là, về đảng viên làm kinh tế: đảng viên được làm kinh tế nhưng phải làm như thế nào và có nên kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng hay không, nếu có thì lý giải thế nào để không mâu thuẫn với lý luận của chủ nghĩa Mác. Năm là, vấn đề chủ quyền, lợi ích quốc gia trong quá trình hội nhập quốc tế: làm sao bảo đảm được độc lập, tự chủ trong quá trình hội nhập quốc tế; nên thu hút đầu tư nước ngoài đến mức độ nào; làm sao khai thác tốt lợi ích từ tài nguyên và các nguồn lực khác của các nước qua hội nhập...

3.3. Phương hướng nghiên cứu, giải quyết những vấn đề đặt ra :

(1) Phải có thể giới quan và phương pháp luận đúng đắn, tức là phải thực sự đứng trên lập trường của chủ nghĩa duy vật và tuân thủ phép biện chứng khi nhận thức, giải quyết vấn đề. Nhất là phải tiếp cận, nghiên cứu sở hữu với tư cách là những quan hệ kinh tế cơ sở, tồn tại, vận động và phát triển, tiến hóa một cách khách quan. Nó khác với các quan hệ pháp luật sở hữu, tức sở hữu pháp lý, là những quan hệ sở hữu chịu sự tác động, điều chỉnh của nhân tố chủ quan là các quy phạm pháp luật.

(2) Cần đột phá làm rõ hệ thống cấu trúc vi mô của quan hệ sở hữu: bởi sở hữu là quan hệ kinh tế cơ sở, giống như nguyên tử của các nguyên tố hóa học, chúng cũng có cấu trúc và cơ chế vận động. Có đi sâu làm rõ cấu trúc và cơ chế vận động của nó mới có thể hiểu được bản chất của sở hữu là gì, hình thức biểu hiện của nó ra sao, xu hướng vận động của nó như thế nào. Từ đó mới có thể hiểu rõ thế nào là sở hữu XHCN, cấu trúc và bản chất của nó khác với sở hữu tư nhân TBCN ra sao. Đã đến lúc chúng ta không thể thỏa mãn với cách hiểu "Sở hữu là quan hệ giữa người và người trong việc chiếm hữu của cải của xã hội..." như hiện nay được nữa.

(3) Phải có quan điểm phát triển, tư duy "động" trong nhận thức, giải quyết vấn đề sở hữu: sở hữu là một hiện tượng khách quan, không ngừng vận động, phát triển, cho nên sở hữu có trình độ xã hội hóa càng cao có bản chất, cấu trúc và phương thức vận động càng khác hẳn so với sở hữu tư nhân, cá thể. Kinh nghiệm lịch sử khoa học cho thấy, không thể sử dụng những kiến thức cũ để giải thích những hiện tượng mới. Tương tự như vậy, phải có nhận thức mới về sở hữu mới có thể giải thích những hiện

tượng mới của sở hữu xã hội hóa; giống như không thể chỉ sử dụng những định luật, công thức của vật lý học cổ điển để giải thích những hiện tượng của vật lý học hiện đại.

(4) Phải có quan điểm thực tiễn trong nhận thức và giải quyết vấn đề sở hữu. Quan điểm này đòi hỏi việc nghiên cứu, giải quyết các vấn đề về sở hữu phải xuất phát từ hoàn cảnh thực tiễn lịch sử cụ thể của đất nước, của từng lĩnh vực ngành nghề; phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chí để xem xét, giải quyết và nhằm phục vụ những yêu cầu của thực tiễn.

Tóm lại, vấn đề sở hữu đã được quan tâm nghiên cứu, giải quyết đạt nhiều thành tựu, nhưng đến nay vẫn là một trong những vấn đề còn "tù mù" nhất. Điều khúc mắc nhất hiện nay là cần làm rõ thế nào là sở hữu XHCN và chứng minh tính hiệu quả, ưu việt của nó. Nhiều người cho rằng công hữu là "vô chủ", không thể hiệu quả, chỉ cần thiết ở mức độ nhất định. Thế nhưng, luật đối ngẫu hoàn toàn phủ nhận điều đó. Hơn nữa, thực tiễn lịch sử loài người đã từng giải quyết thành công vấn đề công quyền, thì trước sau cũng sẽ giải quyết tốt vấn đề công hữu, bởi đó chỉ là 2 mặt của cùng một vấn đề.

Để có thể giải quyết vấn đề đặt ra, đòi hỏi phải tiếp cận, nghiên cứu sở hữu với tư cách là "vật tự nó". Từ đó đi sâu vào cấu trúc và cơ chế vận động vi mô của quan hệ sở hữu để hiểu rõ bản chất bên trong của nó. Cũng như loài người đã từng đột phá vào cấu trúc vi mô của nguyên tử, của tế bào... để vượt qua sự khủng hoảng, bế tắc trong lịch sử phát triển của hóa học, vật lý học, sinh học. Có như thế mới có thể thoát khỏi sự lẩn quẩn, loay hoay với những luận điểm có sẵn và tránh lặp lại sai lầm chủ quan, duy ý chí như trước đây, hoặc đi từ cực đoan này sang cực đoan khác./.